

CÔNG TY TNHH TỔ CHỨC BIỂU DIỄN VÀ CÔNG NGHIỆP GIẢI TRÍ TOÀN CẦU

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TỔ CHỨC BIỂU DIỄN VÀ CÔNG NGHIỆP GIẢI TRÍ TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL ENTERTAINMENT INDUSTRY AND HELD PERFORMANCES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GLOBAL ENTERTAINMENT INDUSTRY AND HELD PERFORMANCES CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110477839

3. Ngày thành lập: 15/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 77 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944865599

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ đấu giá)	4610
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Loại trừ: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ đấu giá)	8299

15.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
16.	Hoạt động thể thao khác	9319
17.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
18.	Lập trình máy vi tính	6201
19.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
20.	Cổng thông tin (Trừ thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo trí)	6312
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
22.	Quảng cáo (loại trừ nhà nước cấm)	7310
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Cho thuê xe có động cơ	7710
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan)	1811
28.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
29.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4791
30.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
31.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Bốc xếp hàng hóa	5224
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
35.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)	5630
37.	Xuất bản phần mềm (Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
38.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Loại trừ sản xuất băng hình và phát hành chương trình truyền hình	5911
39.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Loại trừ phát sóng, phát hành chương trình truyền hình, sản xuất phim có nội dung không được phép lưu hành	5913
40.	Hoạt động viễn thông khác	6190

41.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
42.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.	7912
43.	Xây dựng nhà để ở	4101
44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Xây dựng công trình thủy	4291
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761(Chính)
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu.	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TA ĐÌNH CÔNG	Việt Nam	Số 2 ngách 189/61 đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	001073023401	
2	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Việt Nam	Tầng 21 toà B chung cư Mulberry Lane, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	022186002378	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/04/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022186002378

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tầng 21 toà B chung cư Mulberry Lane, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tầng 21 toà B chung cư Mulberry Lane, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội